

NGHIÊN CỨU CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUẢN LÝ THƯ VIỆN TRUYỀN THỐNG SANG MÔ HÌNH QUẢN LÝ TRUNG TÂM TRI THỨC SỐ TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM¹

TS Vũ Huy Thắng, ThS Vũ Văn Hiệu

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Tóm tắt: Bài báo đánh giá thực trạng và công tác quản lý thư viện truyền thống tại thư viện trường Đại học Hàng hải Việt Nam và chỉ ra những hạn chế, thách thức trong mô hình hiện nay. Tìm hiểu về mô hình quản lý trung tâm tri thức số trong giai đoạn hiện nay, nghiên cứu một số giải pháp công nghệ và mô hình chính sách quản lý trung tâm tri thức số và những ưu điểm của nó. Đề xuất chính sách chuyển đổi mô hình quản lý thư viện truyền thống sang mô hình quản lý trung tâm tri thức số phù hợp với thư viện Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ Khóa: Thư viện; thông tin-thư viện; trung tâm tri thức số; tri thức số; thông tin khoa học và công nghệ; quản lý; chính sách.

Study on transforming the conventional library management model to digital knowledge center at the library of Vietnam Maritime University

Abstract: The article assesses the current situation and management of the library communication system at the library of Vietnam Maritime University and points out the limitations existing in the current model. Learn about the digital knowledge center management model in the current period, study some technology solutions and the main model of digital knowledge center management and its advantages. Propose a policy to transform the traditional library management into a digital knowledge center management model suitable for the library of Vietnam Maritime University.

Keywords: Library; information-library; center for digital knowledge; digital knowledge; science and technology information; management; policy.

MỞ ĐẦU

Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ (KH&CN), xu hướng chuyển đổi số trong tất cả các ngành, các lĩnh vực trong đó có ngành thư viện đang diễn ra trên toàn thế giới. Tại Việt Nam ngày 11/02/2021 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số: 206/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Ngay sau đó, nhiều trường đại học trong nước đã tiến hành các hoạt động chuyển đổi số từ mô hình Thư viện, Trung tâm thông tin - thư viện truyền thống sang các Trung tâm học liệu, Trung tâm số, Trung tâm tri thức số. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, trong những năm qua đã có nhiều chính sách nhằm phát triển hệ thống thư viện đạt chuẩn, xây dựng thư viện điện tử, kết nối đến các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc tế. Tuy nhiên, trước thực tế hiện nay, việc chuyển đổi mô hình quản lý thư viện truyền thống

sang mô hình Trung tâm tri thức số hiện đại, đa năng áp dụng khoa học công nghệ hiện đại đang là yêu cầu cần thiết.

Mô hình quản lý thư viện là cách thức tổ chức hoạt động của thư viện nhằm đảm bảo sự vận hành đồng bộ, hài hòa, hợp lý giúp cho thư viện đạt hiệu quả tốt nhất trong hoạt động chức năng của nó [2].

Mô hình quản lý thư viện không được quy định trong các văn bản pháp luật mà chỉ được các thư viện linh hoạt, chủ động áp dụng để phù hợp với các loại hình thư viện. Trong công tác thư viện hiện nay, sau khi Luật Thư viện ra đời, người quản lý thư viện có thể lựa chọn áp dụng mô hình quản lý mở, linh hoạt, bởi mọi quan hệ được điều tiết bằng pháp luật sẽ đảm bảo để vận hành hiệu quả mô hình này.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại đã dẫn đến sự thay đổi to lớn trong cấu trúc tổ chức của thư viện. Trong môi trường thư viện ngày nay đòi hỏi phải có một mô hình

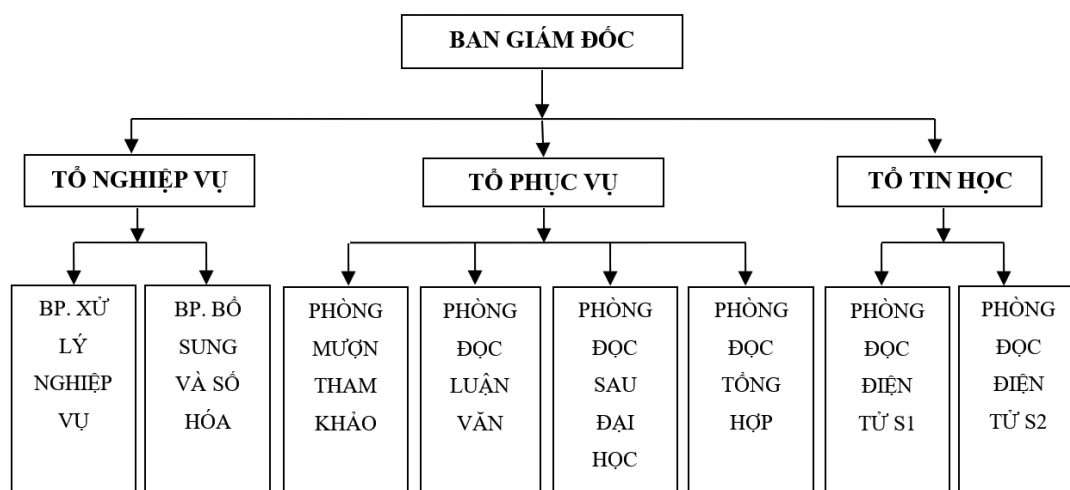
¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi trường Đại học Hàng Hải Việt Nam trong đề tài mã số ĐT 22-23.129

tương thích, đáp ứng được sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Thay vì tái cơ cấu triệt để, nhiều thư viện đã thay đổi theo một cách năng động. Các thư viện và trung tâm thông tin đang đưa ra mô hình tổ chức với những liên kết đa chiều được gọi là mô hình lai ghép. Cấu trúc tổ chức truyền thống đã không còn phù hợp và thích ứng được với những thách thức, thay đổi trong môi trường mới [2].

1. THỰC TRẠNG MÔ HÌNH QUẢN LÝ TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

1.1. Thực trạng chung

Hiện nay, thư viện Trường Đại học Hàng hải (Thư viện Hàng hải) là mô hình của một thư viện truyền thống đang phát triển lên hiện đại với sơ đồ tổ chức như sau:



Hình 1. Mô hình cơ cấu tổ chức Thư viện Hàng hải [6]

Đây có thể coi là một mô hình thuần túy truyền thống của các đơn vị sự nghiệp từ trước đến nay. Mô hình này có ưu điểm là được tổ chức thống nhất từ trên xuống dưới, được bao cấp kinh phí, tổ chức quản lý nhân sự và cơ sở vật chất bài bản thông qua các chính sách chỉ đạo từ nhà trường đến Thư viện, đến các tổ chuyên môn và đến từng nhân viên. Công tác quản lý được thể hiện ở những hoạt động sau:

- Quản lý chung: Phục vụ công tác giám sát, thông tin và quản lý toàn bộ hoạt động chung của thư viện.

- Quản lý bạn đọc: Quản lý hồ sơ bạn đọc và tiến hành các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến bạn đọc như cấp thẻ, gia hạn thẻ, mượn trả tài liệu, nhóm tra cứu, nhóm bạn đọc hoặc khách tham quan, những người cần tra cứu thông tin tài liệu có trong thư viện để tìm những thông tin cần thiết.

- Quản lý nguồn tin KH&CN: Thực hiện duy trì điều hành nguồn tin KH&CN bao gồm tất cả các loại hình tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường từ khi

bổ sung đến khi thanh lý, thông qua việc phân bổ nhân sự và các hoạt động chuyên môn.

- Quản lý nghiệp vụ: Thực hiện công tác chỉ đạo định hướng phát triển kỹ thuật xử lý tài liệu, biên mục bao gồm: nhập mới, sửa chữa, xóa duyệt, thao tác xử lý, phân tích tổng hợp tài liệu nhằm giúp người dùng nắm được thông tin về mọi mặt của tài liệu, nội dung, hình thức để tiến hành chọn lựa phù hợp với yêu cầu tìm tin.

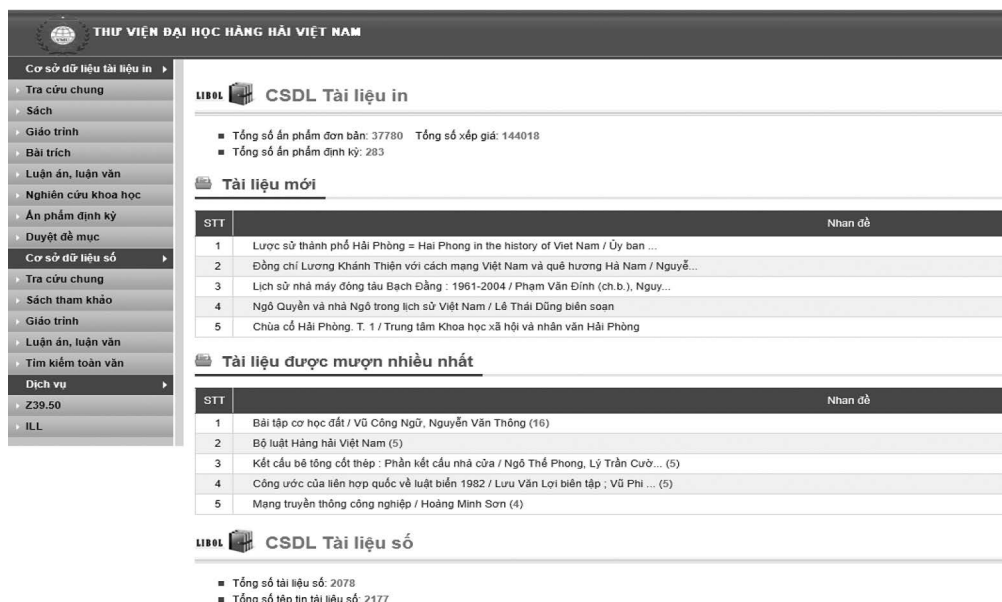
Tuy nhiên, với xu thế hiện nay, khi các đơn vị sự nghiệp hướng tới việc tăng cường tính tự chủ nhằm phát huy hết tính năng động và hiệu quả trong sử dụng nhân sự, tài chính, đồng thời chuyển đổi số hoạt động thư viện thì mô hình này cũng cần có sự điều chỉnh phù hợp.

1.2. Quản lý nguồn tin KH&CN

Nguồn tin KH&CN tại Thư viện Hàng hải hiện nay gồm có: tài liệu dạng in (bản cứng) và nguồn tài nguyên số truy cập trực tuyến. Tính đến tháng 02 năm 2023 số tài liệu dạng in gồm 37.780 tên tài liệu với hơn 144.000 cuốn.

Hiện nay, toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện trên phần mềm Libol 6.0, hệ thống tra cứu truyền thống qua tủ mục lục phiếu đã được loại bỏ. Tuy nhiên, phần

miền được đầu tư đã lâu, và xuất hiện một số lỗi trong quá trình sử dụng, phân hệ quản lý tài liệu số hoạt động chưa hiệu quả, chưa có phân hệ phục vụ cho công tác kiểm định.



Hình 2. Giao diện tìm kiếm tài liệu trên phần mềm Libol 6.0 [7]

Thư viện Trường hiện là thành viên của Liên chi hội Thư viện Đại học khu vực phía Bắc, Liên hợp Thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và là thành viên của Hội Thư viện Việt Nam.

Hầu hết các hoạt động quản lý thư viện hiện nay tại Thư viện Hàng hải thông qua các chính sách được chỉ đạo từ nhà trường, thư viện, và sự phối kết hợp giữa các đơn vị chuyên môn.

Bảng 1. Quy trình bổ sung tài liệu [7]

TT	Quy trình bổ sung	Trách nhiệm	Biểu mẫu
1.	Yêu cầu bổ sung tài liệu	Giám đốc Thư viện, Thủ trưởng các khoa, viện	BM.01-QT.TV.01
2.	Xem xét, phê duyệt	Ban Giám hiệu	
3.	Bổ sung tài liệu	Ban Giám đốc Thư viện. Tổ nghiệp vụ	QT.TV.01
4.	Kiểm tra, nhập sổ tài sản, thanh toán.	Tổ nghiệp vụ, P. Quản trị Thiết bị, P. Kế hoạch Tài chính	BM.03-QT.TV.01
5.	Xử lý nghiệp vụ, sổ hóa	Tổ nghiệp vụ	BM. 04, 05, 06
6.	Xếp giá, xây dựng, cập nhật thư viện điện tử	Tổ nghiệp vụ. Tổ phục vụ Tổ tin học thư viện	
7.	Lưu thông tài liệu	Phòng đọc, Phòng mượn	
8.	Theo dõi và quản lý	Giám đốc Thư viện, các tổ trưởng	

1.3. Chính sách bổ sung tài liệu nội sinh

- Đối với học viên, nghiên cứu sinh và sinh viên của Nhà trường sau khi tốt nghiệp: nộp 01 bản in thiết kế tốt nghiệp, luận văn, luận án (kèm bản vẽ, đĩa CD). Trách nhiệm thực hiện thuộc Nhà xuất bản Hàng hải.

- Đối với các tác giả có tài liệu xuất bản tại Nhà xuất bản Hàng hải: nộp 05 bản in tài liệu để lưu chiếu. Trách nhiệm thực hiện thuộc Nhà xuất bản Hàng hải.

- Đối với Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải: Nộp 05 bản in tài liệu để lưu chiếu. Trách nhiệm thực hiện thuộc Phòng Khoa học Công nghệ.

- Đối với các kỷ yếu hội nghị, hội thảo nghiên cứu khoa học của cán bộ, sinh viên trong Trường: nộp 05 bản in tài liệu để lưu chiếu. Trách nhiệm thực hiện thuộc Phòng Khoa học Công nghệ, các đơn vị có học viên và sinh viên.

1.4. Các hoạt động khai thác và chia sẻ nguồn tin KH&CN

Đào tạo người dùng tin

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo đầu năm học về việc tổ chức tập huấn khai thác tài nguyên thư viện cho sinh viên, học viên mới nhập học của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Ngày 10/9/2018, Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam chính thức ban hành hoạt động này thành Quy định số 833/ĐHHHVN-TV được thực hiện bắt buộc vào đầu năm học do thư viện tổ chức. Hàng năm, Thư viện đào tạo khoảng 3000 - 4000 người dùng tin khai thác và sử dụng Thư viện.

Tham gia mạng lưới thông tin KH&CN Hải Phòng

Ngày 09/10/2015, Giám đốc Sở KH&CN ra quyết định số 247/QĐ-SKH&CN về việc thành lập Mạng lưới thông tin KH&CN Tp. Hải Phòng với 10 thành viên, gồm các trung thông tin - thư viện trên địa bàn Thành phố. Mạng lưới thông tin KH&CN Hải Phòng ra đời góp phần gắn kết các tổ chức có chức năng thông tin KH&CN tại Hải Phòng, cùng chia sẻ nguồn tài liệu thông tin KH&CN, phát huy hiệu quả trong việc tập hợp, liên kết, trao đổi, chia sẻ thông tin KH&CN phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy, học tập và phát triển kinh tế - xã hội thành

phố. Trong 8 năm hoạt động, Thư viện Hàng hải đã tham gia nhiều hoạt động tích cực của Mạng lưới, chia sẻ hơn 30.000 biểu ghi thư mục KH&CN vào hệ thống CSDL chung, hỗ trợ người dùng trong mạng lưới sử dụng, tìm kiếm thông tin.

Chính sách kết nối mạng thư viện toàn cầu

Trong năm 2015 và 2016, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã tiến hành ký bản thỏa thuận ghi nhớ và bước đầu đã đưa 8000 biểu ghi thư mục trong CSDL thư mục của thư viện mình lên CSDL Mục lục liên hợp toàn cầu Worldcat (OCLC), và sử dụng phần mềm biên mục tập trung OCLC Connexion với gói dữ liệu 1000 biểu ghi/năm để biên mục các biểu ghi mới được bổ sung hàng năm lên Worldcat.

- Ưu điểm: Kết nối CSDL của Đại học Hàng hải Việt Nam với mạng lưới CSDL thư mục toàn cầu. Về bản chất, CSDL Mục lục liên hợp Worldcat là một hệ thống CSDL chung do các Trung tâm thông tin KH&CN trên thế giới cùng nhau chung tay chia sẻ vốn tài nguyên thư mục của thư viện mình. Với Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, sau khi đưa biểu ghi thư viện lên CSDL Mục lục liên hợp thế giới Worldcat, có nghĩa là đã hoàn thành bước đầu tiên để trở thành thành viên của OCLC. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã tham gia kết nối với mạng lưới thư viện toàn cầu với hơn 70.000 thư viện tại 170 quốc gia trên thế giới. Thư viện hiện đang là thành viên và sử dụng dịch vụ thư viện của OCLC.

- Nhược điểm: Còn ít các thư viện trong nước áp dụng chính sách này nên việc đồng bộ hóa, kết nối, chia sẻ nguồn tin trong nước còn nhiều rào cản về chính sách và kỹ thuật.

1.5. Đánh giá chung

Có thể nói, hiện nay công tác quản lý tại Thư viện Hàng hải mang tính chất của một thư viện truyền thống. Mặc dù đã có những thay đổi tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ, quản lý, song trước yêu cầu chuyển đổi số, Thư viện cần có những thay đổi phù hợp.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đang trên con đường quyết tâm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và

bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nội dung: “*Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển*”.

1.6. Một số thách thức trong chuyển đổi số tại Thư viện Hàng hải

- Thách thức trong việc phát triển nội dung lõi số hóa: chính sách - phương pháp - công nghệ số hóa; xử lý các tài nguyên đa phương tiện, tích hợp và kết nối dữ liệu đa nền tảng; kết nối và khai thác các tài nguyên số trong lĩnh vực hàng hải,..[1]. Do thực trạng còn thiếu các trang thiết bị số hóa tài liệu.

- Thách thức về tìm kiếm, truy cập, khai thác tài nguyên số: tìm kiếm các kho dữ liệu phân tán; tìm kiếm dữ liệu lớn; tìm kiếm đa ngôn ngữ; tìm kiếm đa phương tiện: văn bản, hình ảnh, âm thanh, giọng nói; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công cụ tìm kiếm. Hiện nay, chưa có một phần mềm quản lý một cách hiệu quả tài nguyên số.

- Thách thức về hạ tầng công nghệ thông tin, an ninh mạng, quản lý truy cập; chia sẻ và quản trị dữ liệu - thông tin - tri thức;... Hầu hết hạ tầng công nghệ được đầu tư đã lâu năm.

- Thách thức trong việc lưu trữ số; lưu trữ dữ liệu dữ liệu lớn, dữ liệu đám mây; backup dữ liệu; lựa chọn cách thức lưu trữ dữ liệu; Bảo quản số tài liệu hàng hải quý hiếm;

- Thách thức trong việc phát triển dịch vụ số: dịch vụ số liên thông đa cấp độ; dịch vụ số cho bạn đọc; dịch vụ đa phương tiện; dịch vụ đám mây, dữ liệu lớn; dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; dịch vụ chuyển đổi dữ liệu thành thông tin, tri thức; dịch vụ cung cấp thông tin tự động trúng đích cho người dùng, sở hữu trí tuệ: an ninh số, bản quyền số,...

- Thách thức về nhân lực mới để phát triển và quản trị tài nguyên số, dữ liệu, thông tin, tri thức; chuyên gia thông tin số hàng hải.

1.7. Trung tâm tri thức số - một mô hình tiên tiến cần đạt được

Trung tâm tri thức là một khái niệm mới trong ngành thông tin - thư viện. Nhiều tổ

chức khoa học, chuyên gia đã có những phân tích, luận giải về khái niệm, nội hàm, đặc điểm.... của thiết chế này. Theo các nhà nghiên cứu tại Scotland, trung tâm tri thức là một công cụ cộng tác đơn giản và được sử dụng rộng rãi, được thiết kế để hỗ trợ sự hợp tác giữa chính phủ, chính quyền địa phương, khu vực công và các khu vực khác [1].

Với mô hình trung tâm tri thức, trung tâm số, cả ba loại hình dữ liệu - thông tin - tri thức được quản trị hiệu quả, dữ liệu sẽ được phân tích, tổng hợp thành thông tin, thông tin sẽ được phân tích, tổng hợp thành tri thức, và phục vụ người dùng dưới dạng thông tin số.

Trong trường đại học, mô hình trung tâm tri thức, trung tâm số sẽ có nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, phát triển phổ biến và quản lý hiệu quả các loại hình dữ liệu, thông tin, tri thức phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó nguồn tài nguyên số là chủ đạo, đi kèm với nó là các thiết bị số hiện đại, đồng bộ, tương hỗ tích hợp; tổ chức phân loại, tổ chức hệ thống hóa, phân tích, các loại hình dữ liệu, thông tin, tri thức trên để tạo nên tri thức có hệ thống, có ý nghĩa; lưu giữ số đảm bảo thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng mọi lúc, mọi nơi.

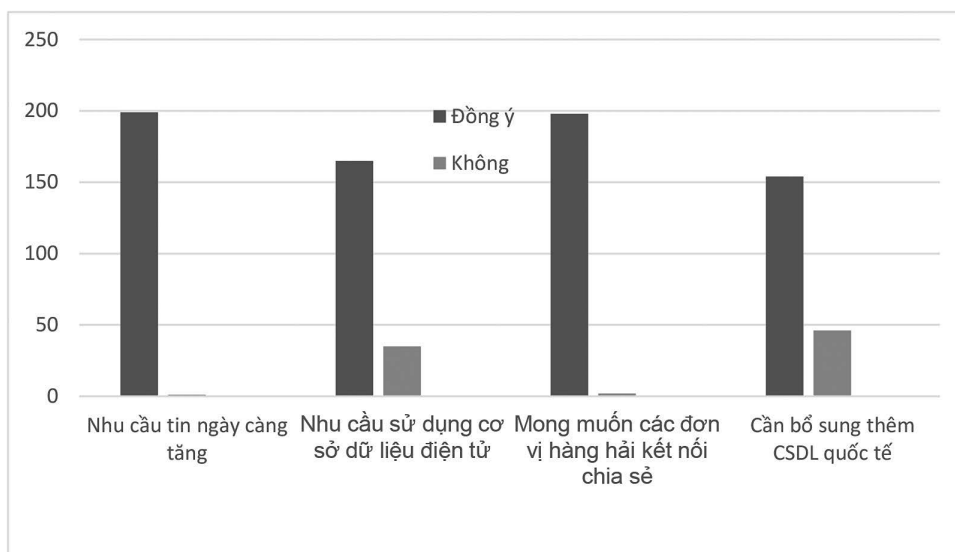
Hiện nay, tại Việt Nam, mô hình trung tâm tri thức số của trung tâm thư viện và trung tâm tri thức số (Đại học Quốc gia Hà Nội) hay Trung tâm số Đại học Thái Nguyên đang là những mô hình thực tiễn, hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số ngành thư viện.

2. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI TỪ MÔ HÌNH THƯ VIỆN SANG MÔ HÌNH QUẢN LÝ TRUNG TÂM TRI THỨC SỐ TẠI THƯ VIỆN HÀNG HẢI

2.1. Dự báo xu hướng sử dụng nguồn tin KH&CN hàng hải

Quan điểm của người dùng tin hàng hải

Nhóm nghiên cứu tiến hành gửi 200 phiếu khảo sát tới đối tượng là các cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, tại 05 đơn vị khác nhau trong lĩnh vực hàng hải. Đây là những người đại diện cho người dùng tin trong lĩnh vực hàng hải, nhằm khảo sát đánh giá về xu hướng sử dụng nguồn tin KH&CN hàng hải trong thời gian tới. Kết quả như sau:



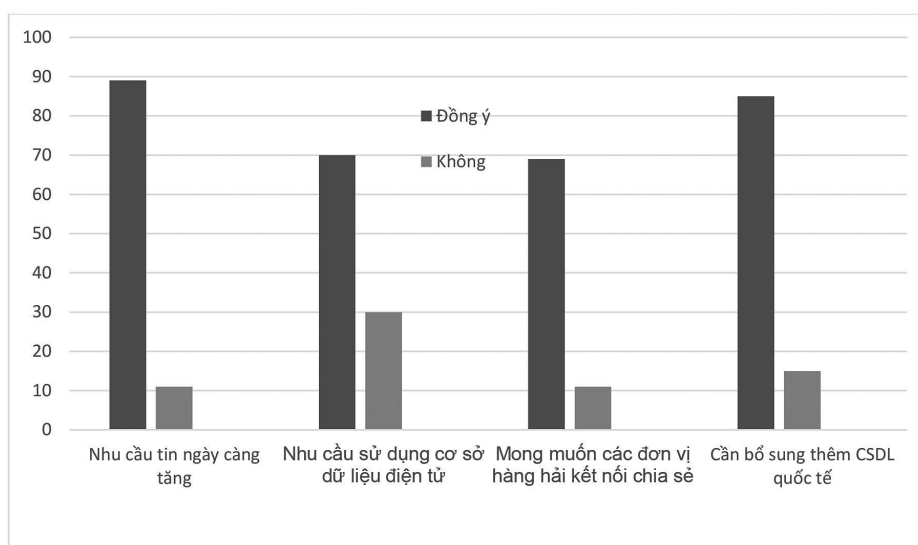
Biểu đồ 1. Xu hướng sử dụng nguồn tin KH&CN hàng hải của người dùng tin [6]

Trong số những người được hỏi, có đến 99,5% tương đương với 199 người cho rằng, nhu cầu tin về thông tin KH&CN hàng hải tiếp tục tăng trong thời gian tới do những yêu cầu về phát triển KH&CN, đào tạo và huấn luyện trong lĩnh vực hàng hải. Chỉ có 1 người không có ý kiến. Kết quả này thể hiện xu hướng rất cao trong tìm kiếm khai thác nguồn tin KH&CN hàng hải trong tương lai. 82,5% số người được hỏi tương đương với 165 người cho rằng nguồn tin điện tử, CSDL điện tử, nguồn tài nguyên số sẽ thuận lợi hơn

với người dùng trong tương lai. 99% tương đương với 198 người dùng cho rằng, các cơ quan trong lĩnh vực hàng hải nên có sự kết nối, chia sẻ thông tin KH&CN giúp cho người dùng dễ tiếp cận và khai thác hơn.

Quan điểm của nhà quản lý hàng hải

Nhóm nghiên cứu tiến hành gửi 100 phiếu khảo sát tới đối tượng là các nhà quản lý từ cấp phòng trở lên tại 05 đơn vị khác nhau trong lĩnh vực hàng hải là những người đại diện cho các nhà quản lý trong lĩnh vực hàng hải, kết quả như sau:



Biểu đồ 2. Xu hướng sử dụng nguồn tin KH&CN hàng hải của nhà quản lý [6]

Trong số các nhà quản lý được hỏi thì có 89% tương đương với 89 người cho rằng nhu cầu tin trong tương lai là tất yếu sẽ tăng, 11% không trả lời hoặc tỏ ra ít quan tâm. 70% nhà quản lý được hỏi cho rằng có nhu cầu sử dụng nguồn tin điện tử, nguồn tin số, 30% cho rằng ít sử dụng và thích sử dụng tài liệu in truyền thống hơn.

Quan điểm của tác giả

- Cùng chung một nhóm câu hỏi, tuy nhiên giữa 2 nhóm đối tượng là người dùng và nhà quản lý lại có quan điểm khác nhau ở một số câu hỏi. Trong khi đa số người dùng cho rằng nhu cầu tin về thông tin KH&CN hàng hải ngày càng tăng thì 11% các nhà quản lý lại cho rằng nhu cầu không tăng. Điều này có thể lý giải như sau: Do có sự

khác biệt về nghề nghiệp, trong khi người dùng đa số là các nhà khoa học, giảng viên và người học có nhu cầu cao trong việc sử dụng nguồn tin KH&CN hàng hải làm nguyên liệu cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập thì một số nhà quản lý do nguyên nhân công việc quản lý nên ít dùng, tuổi tác và trình độ cũng là nguyên nhân dẫn đến việc không có nhu cầu tin hoặc ít quan tâm. Nhu cầu sử dụng CSDL điện tử (nguồn tài nguyên số) cũng vậy phía người dùng có nhu cầu cao hơn, đặc biệt là các cán bộ giảng viên khi cần sử dụng để xây dựng các giáo án điện tử.

2.2. Phân tích SWOT- mô hình quản lý thư viện hiện tại

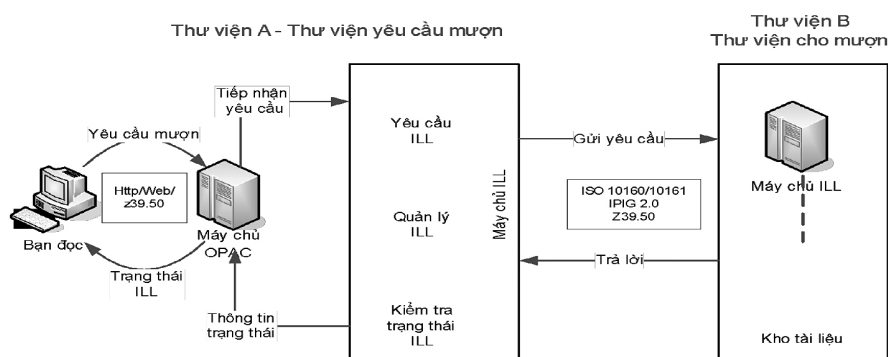
Bảng 2. Ma trận SWOT của mô hình quản lý Thư viện hiện tại

S (Strengths- Thế mạnh) - Có mô hình quản lý, cơ cấu tổ chức rõ ràng - Có nguồn nhân lực chất lượng với 7 cán bộ học đúng chuyên ngành TT-TV, 1 tiến sỹ, 3 thạc sỹ. - Có nguồn lực thông tin phong phú, đa dạng, đặc biệt là nguồn tin nội sinh hàng hải. - Đã áp dụng một số chuẩn quốc tế trong xử lý thông tin. - Có hệ thống cơ sở vật chất tốt, bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin. - Có số lượng người dùng tin KH&CN hàng hải lớn.	O (Opportunities- Cơ hội) - Nhà nước và các Bộ, ngành, đơn vị Nhà trường đang quan tâm tới công tác chuyển đổi số ngành Thư viện. - Xu thế hội nhập chia sẻ thông tin KH&CN trong nước và quốc tế. - Phù hợp với Nghị quyết số 30-NQ/TW, xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia. - Nhu cầu của người dùng tin không ngừng tăng lên, đặc biệt là tài nguyên số và các dịch vụ số.
W (Weaknesses- Thế yếu) - Chưa có hạ tầng công nghệ, các trang thiết bị, phần mềm quản lý tài nguyên số mạnh và đồng bộ. - Chưa có hệ thống CSDL số hóa phong phú. - Chưa hoàn thành chính sách phát triển Trung tâm trí thức số hàng hải theo cấu trúc quản lý nhà nước. Chưa có chính sách giao tự chủ một phần. - Chưa có các dịch vụ số, dịch vụ chuyển đổi dữ liệu thành thông tin-tri thức. Còn thiếu nhân lực quản trị tài nguyên số-dữ liệu-thông tin-tri thức; chuyên gia thông tin hàng hải;	T (Threats- Thách thức) - Thách thức trong việc phát triển nội dung lõi số hóa - Thách thức về tìm kiếm, truy cập, khai thác tài nguyên số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giao tiếp với bạn đọc. - Thách thức lưu trữ số; Lưu trữ dữ liệu lớn/dữ liệu đám mây; Backup dữ liệu, an ninh dữ liệu. - Đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và người dùng tin. - Thách thức trong vấn đề bản quyền số, an ninh số. - Đổi mới tư duy nhà quản lý

2.3. Đề xuất mô hình hoạt động Trung tâm tri thức số hàng hải

Nâng cấp toàn diện hạ tầng công nghệ Thư viện

Trong xu hướng nhu cầu tin hiện nay, việc kết nối, chia sẻ nguồn tin, đặc biệt là nguồn tin điện tử trong lĩnh vực hàng hải là rất cần thiết, việc nâng cấp toàn diện hạ tầng công nghệ là việc cần làm đầu tiên.

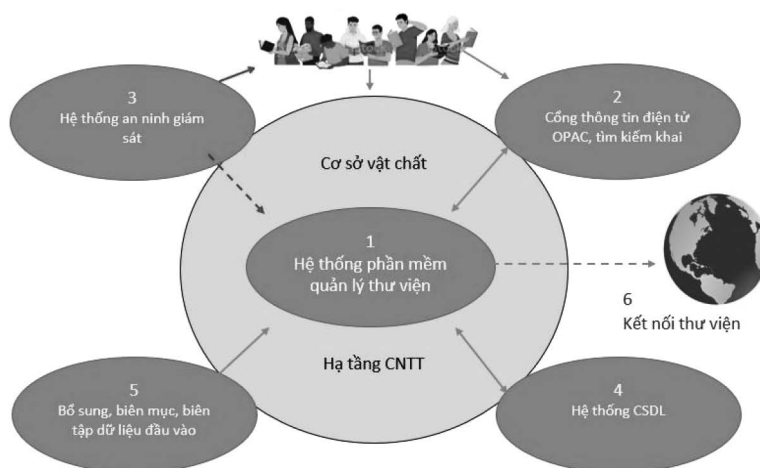


Hình 3. Sơ đồ mô phỏng hệ thống thư viện sau khi được nâng cấp [4]

Việc nâng cấp sẽ giúp phát triển mô hình mượn liên thư viện, tạo ra một hệ thống quản lý thư viện mới hiệu quả hơn và hiện đại hơn, giúp cho các cơ quan trong lĩnh vực hàng hải có thể chia sẻ nguồn tài nguyên dễ dàng.

Tăng cường các trang thiết bị phục vụ

quản lý bạn đọc, tài liệu, số hóa, an ninh thư viện hiện đại. Đầu tư phần mềm thư viện có chất lượng làm trung tâm lõi điều hành quản lý mọi hoạt động của thư viện theo hướng xóa bỏ các hoạt động thủ công, xóa bỏ giới hạn về không gian, thời gian phục vụ của thư viện với bạn đọc.



Hình 4. Sơ đồ cấu trúc thư viện hiện đại tích hợp được đề xuất [4]

Tất cả các trang thiết bị, phần mềm, nguồn tài nguyên số được tích hợp và kết nối đồng bộ với nhau, sao cho vừa sử dụng được dữ liệu hiện tại vừa cập nhật được dữ liệu mới. Người quản lý sẽ dễ dàng kiểm tra, đánh giá, và ra quyết định chỉ đạo phù hợp.

Ứng dụng công nghệ RFID trong quản lý Thư viện Hàng hải

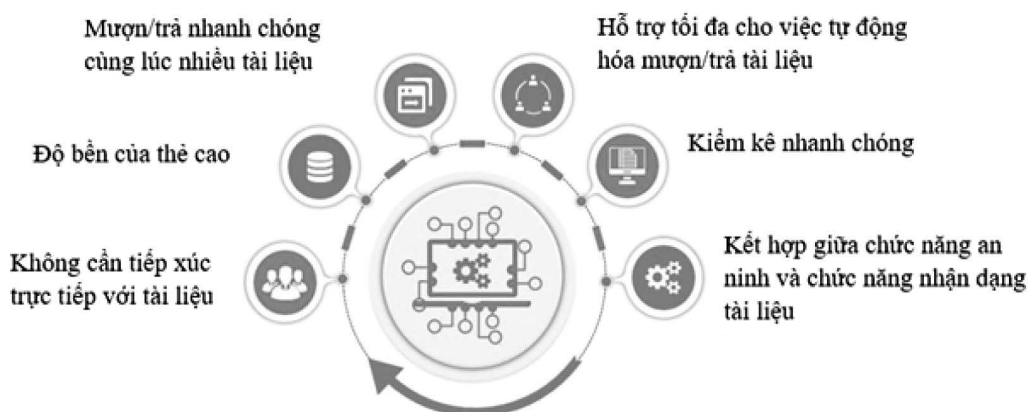
RFID (Radio Frequency Identification) là công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến. Công nghệ này cho phép nhận biết các đối tượng thông qua hệ thống thu

phát sóng radio, từ đó có thể giám sát, quản lý hoặc lưu vết từng đối tượng [3].

Tại Việt Nam, đã và đang có nhiều đơn vị ứng dụng công nghệ RFID để quản lý thư viện. Với tính chất đa năng bao gồm lưu thông, an ninh, kiểm kê”, RFID giúp tối ưu hóa quỹ thời gian của nhân viên thư viện. Đây vừa là xu hướng vừa là tất yếu có thể

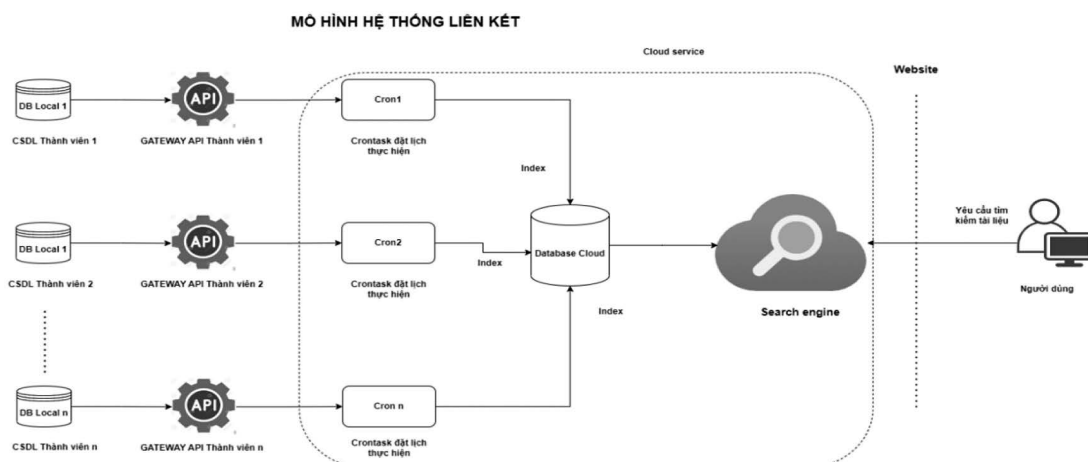
áp dụng ngay đối với Thư viện Hàng hải sau khi được nâng cấp hạ tầng công nghệ.

Hiện nay, Thư viện Hàng hải đang sử dụng công nghệ từ trong việc quản lý tài liệu tại các phòng đọc mở, tuy cũng đáp ứng phần nào song cũng cần chuyển đổi sang công nghệ RFID với các tính năng ưu việt hơn.



Hình 5. Tính năng ưu việt của quản lý thư viện bằng công nghệ RFID [3]

Đề xuất mô hình mạng lưới thông tin KH&CN Hải Phòng theo hướng liên kết số



Hình 6. Mô hình liên kết số các thành viên trong Mạng lưới TTKH&CNHP theo đề xuất [5]

Hiện nay, Thư viện Hàng hải đang là thành viên của Mạng lưới thông tin KH&CN Tp. Hải Phòng với 10 thành viên. Tuy nhiên, việc xây dựng một CSDL dùng chung hiệu quả của mạng lưới chưa triển khai được. Các thành viên với chỉ dừng lại ở việc chia sẻ các biểu ghi thư mục lên website mạng

lưới mới nội dung hạn chế. Trong thực tiễn, mô hình liên kết mới cần thực hiện như đề xuất ở Hình 6.

Với ưu điểm sử dụng công nghệ đám mây và dữ liệu tập trung, CSDL của 10 thành viên sẽ được tập trung quản lý thống nhất, bạn đọc chỉ cần thông qua một giao diện

tìm kiếm để tìm tất cả nội dung, bao gồm cả nội dung số trong mạng lưới mà không cần truy cập vào từng đơn vị riêng lẻ. Các thành viên khi bổ sung nguồn tài nguyên mới sẽ tự động cập nhật vào hệ thống.

2.4. Đề xuất chính sách tự chủ, đảm bảo một phần chi thường xuyên

Trong quá trình hoạt động thực tiễn, mô hình hiện nay bộc lộ một số nhược điểm, đặc biệt là nhược điểm của cơ chế đầu tư phát triển, bao cấp kinh phí, thiếu chính sách giao tự chủ cho các đơn vị hoạt động. Trong đó cụ thể là việc tự chủ trong xây dựng kế hoạch, tự chủ về nhân sự và tài chính. Cơ chế bảo đảm toàn phần làm cho mô hình thư viện trở nên gò bó và thiếu linh hoạt, đôi khi hoạt động thiếu tính năng động, công tác quản lý thu chi, tiết kiệm tài nguyên sẽ khó thực hiện hơn. Chính vì vậy, việc đề xuất một chính sách giao quyền tự chủ một phần hoặc toàn phần cho các đơn vị là rất cần thiết.

Khi đã được giao tự chủ, có pháp nhân, các hoạt động được xây dựng thành các quy trình tiêu chuẩn, chủ động tạo hành lang pháp lý cho các đơn vị mở rộng các dịch vụ làm tăng hiệu quả và chất lượng công việc được giao. Khoản quỹ lương theo vị trí việc làm là một chính sách quan trọng trong tự chủ nhằm sử dụng hợp lý nguồn nhân sự, hạn chế việc phát sinh biên chế.

Đầu tư nguồn ban đầu, cho phép thu các hoạt động dịch vụ, sản xuất học liệu, cung cấp tài khoản nhằm đảm bảo nguồn thu để trung tâm tri thức số hoạt động và phát triển.

2.5. Phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao

Để xây dựng được một Trung tâm tri thức số hàng hải mạnh rất cần có một đội ngũ cán bộ chuyên sâu với các lớp như sau:

- Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn sâu về công nghệ thông tin, xử lý thông tin số, hệ thống thông tin, thông tin - thư viện. Có khả năng hoạch định và phát triển chiến lược và tham mưu về phát triển hệ thống thông tin tri thức số trong lĩnh vực hàng hải.

- Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên môn quản lý việc kết nối, chia sẻ và xử lý thông tin số với nền tảng cốt lõi là nghiệp vụ phân loại, xử lý thông tin và trình độ công nghệ thông tin, ngoại ngữ cao. Có khả năng và tâm huyết sẵn sàng phục vụ người dùng tin.

“Đổi mới công tác quản lý, tuyển dụng cán bộ viên chức. Giao quyền cho các đơn

vị quản lý lao động trực tiếp được tuyển dụng sao cho tuyển dụng được người có năng lực phù hợp với mô hình mới. Cần đổi mới công tác quản lý nhân sự, xóa bỏ biên chế tăng tính linh hoạt trong sử dụng nhân sự, tránh việc trây ỳ, ngại đổi mới, ngại học hỏi, cập nhật của 1 bộ phận viên chức hiện nay” (Kết quả phỏng vấn sâu các nhà quản lý).

KẾT LUẬN

Như vậy, để chuyển đổi mô hình từ một thư viện truyền thống sang mô hình trung tâm tri thức số cần rất nhiều việc phải làm. Từ việc đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất hạ tầng công nghệ, phát triển nội dung lõi đến việc đào tạo cán bộ và người dùng tin. Tuy nhiên, việc đổi mới trong tư duy lãnh đạo, tầm nhìn trong công tác chỉ đạo chuyển đổi số là rất quan trọng nó quyết định trước tiên việc một đơn vị có chuyển đổi hay không, trước khi đánh giá sự chuyển đổi và phát triển như thế nào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Quốc gia Hà Nội (2020). Phát triển mô hình Trung tâm Tri thức số cho các Thư viện Việt Nam. Sách chuyên khảo.

2. <https://nlv.gov.vn/nghiep-vu-thu-vien/su-phat-trien-cua-cac-thu-vien-viet-nam-hien-nay-va-nhung-yeu-cau-dat-ra-doi-voi-mo-hinh-co-cau-to-chuc.html>, truy cập 03/02/2023.

3. <https://thuvien.lacviet.vn/vi/news/index/ung-dung-cong-nghe-rfid-trong-quan-ly-thu-vien1>, truy cập 03/02/2023.

4. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (2017). Đề xuất Dự án phát triển Thư viện Hàng hải.

5. Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng (2022). Báo cáo Đề án Kết nối mạng lưới Thông tin KH&CN Hải Phòng.

6. Vũ Huy Thắng (2018). Chính sách phát triển hệ thống thông tin KH&CN tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Số 3.- Tr.10-15.

7. Vũ Huy Thắng (2019). Nguồn tin KH&CN tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam - Thực trạng và các chính sách phát triển. Tạp chí Thư viện Việt Nam. Số 3.- Tr. 80-89.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-02-2023; Ngày phản biện đánh giá: 7-3-2023; Ngày chấp nhận đăng: 15-3-2023).